

# TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU THẾ GIỚI NĂM 2006

ThS. Hồ Viết Tiến

Mở đầu

**B**ài viết này mô tả những nét chính về thị trường cổ phiếu thế giới năm 2006. Các chỉ số chính được phân tích bao gồm quy mô thị trường, giá trị giao dịch trong năm, biến động chỉ số thị trường. Số liệu phân tích dựa trên các báo cáo của Liên Đoàn các Thị trường Chứng khoán Thế giới (World Federation of Exchanges - WFE).

## 1. Quy mô thị trường cổ phiếu

**Bảng 1: Giá trị vốn hóa thị trường của 10 thị trường lớn nhất cuối năm 2006**  
(Đơn vị tính: tỷ USD)

	Exchange	USD bn		% Change
		end-2006	end-2005	
1	NYSE	15,421	13,311	15.9%
2	Tokyo Stock Exchange	4,614	4,572	0.9%
3	Nasdaq Stock Market	3,865	3,604	7.2%
4	London Stock Exchange	3,794	3,058	24.1%
5	Euronext	3,708	2,707	37.0%
6	Hong Kong Exchanges	1,715	1,055	62.6%
7	TSX Group	1,701	1,482	14.7%
8	Deutsche Börse	1,638	1,221	34.1%
9	BME Spanish Exchanges	1,323	960	37.8%
10	SWX Swiss Exchange	1,212	935	29.6%

Nguồn: World Federation of Exchanges, Focus 01/2007 - No. 167, <http://www.world-exchanges.org/WFE/home.Asp>.

Bảng 1 cho thấy quy mô thị trường cổ phiếu của các nước và khu vực lớn nhất thế giới. Giá trị thị trường chỉ tính công ty trong nước (và trong khu vực) mà không tính giá trị của các công ty nước ngoài niêm yết trên thị trường trong nước (trong khu vực). Bảng 1 cho thấy mức độ tập trung của thị trường NYSE. Chỉ riêng thị trường NYSE đã có giá trị gần bằng 4 thị trường tiếp sau

cộng lại. Nói chung bảng xếp hạng không có nhiều thay đổi, ngoại trừ bước tiến vượt bậc của thị trường Hongkong. Cách đây 3 năm thị trường Hongkong còn nằm ngoài top ten. Cuối năm 2004, Hongkong đứng thứ 9, năm 2005 thứ 8, năm 2006 đã lên thứ 6, vượt qua cả thị trường Đức, vốn là thị trường của nền kinh tế thứ 3 thế giới. Bước tiến này một phần là từ việc niêm yết của các công

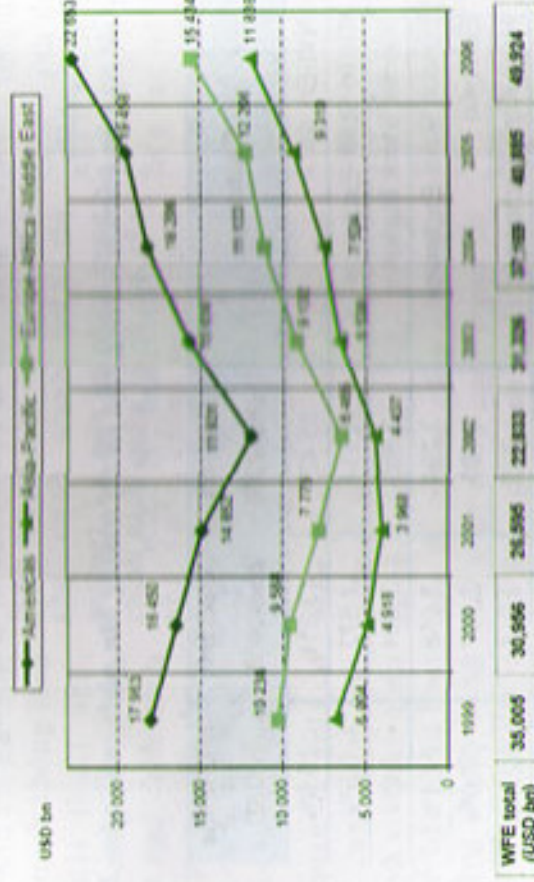
ty khổng lồ của Trung Quốc Đại Lục, từ nay không còn bị coi là các công ty nước ngoài đối với Hongkong nữa. Chỉ tính 10 thị trường này đã chiếm khoảng 78% thị phần của thị trường cổ phiếu thế giới trong tổ chức WFE.

Đồ thị 1 mô tả quy mô thị trường cổ phiếu của các khu vực 8 năm qua. Từ năm 1999 đến năm 2002, thị trường thế giới giảm gần 35% giá trị. Phải đến năm 2004 thị trường

thế giới mới phục hồi hoàn toàn sau khủng hoảng "dot.com". Nói khác đi, những tỷ phú sở hữu 1 tỷ USD trên thị trường chứng khoán thế giới cuối những năm 1990, sau 3 năm chỉ còn là triệu phú với 650 triệu USD (cho thấy tỷ phú chứng khoán là một tiêu chí tương đối, biến

động nhanh theo thời gian). Nhưng chỉ sau 4 năm (2002-2006) thị trường thế giới đã tăng hơn gấp đôi, tổng giá trị cuối năm 2006 lên đến gần 50.000 tỷ USD. Trong đó, do khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (không kể châu Mỹ) có mức tăng cao hơn nên tỷ

**Đồ thị 1 : Thị phần theo khu vực của thị trường cổ phiếu thế giới qua các năm 1999-2006**  
(Đơn vị tính : tỷ USD)



Nguồn : World Federation of Exchanges, Focus 01/2007 - No. 167.  
<http://www.world-exchanges.org/WFE/home.asp>

**2. Giá trị giao dịch cổ phiếu và độ thanh khoản tương đối trong năm 2006**

Giá trị giao dịch cổ phiếu bằng tổng cộng số lượng cổ phiếu đã giao dịch nhân với giá cổ phiếu tại thời điểm giao dịch, bất kể cổ phiếu trong nước hay nước ngoài, giao dịch khớp lệnh (Electronic Order Book), thỏa thuận (Negotiated deals) hay các hình thức khác (Other trading activity). Trong giá trị giao dịch hoàn toàn không tính đến giá trị của các phái sinh liên quan đến cổ phiếu như quyền mua cổ phiếu hay

chứng quyền, các quyền chọn và hợp đồng giao sau về cổ phiếu... Bảng 2 cho thấy giá trị giao dịch của các thị trường hàng đầu. Chỉ tính riêng 10 thị trường này thì số vốn cổ phần luân chuyển đã bằng 86% tổng lượng vốn cổ phần luân chuyển trên thế giới.

Đặc điểm thứ hai là thị trường có quy mô lớn thì có giá trị giao dịch lớn. Nhận xét đó đúng với hầu hết thị trường, trừ thị trường Hongkong. Trong bảng top ten về giao dịch không có thị trường Hongkong. Có nhiều lý do trong đó có một lý do khá đĩ

nhất là thị trường Hongkong có nhiều công ty có độ thanh khoản thấp hơn một cách tương đối so với các công ty của các thị trường Âu - Mỹ. Đổ thị 2 chứng minh nhận định đó : trong khi hầu hết các thị trường lớn có độ thanh khoản tương đối trên 110%/ năm thì thị trường Hongkong chỉ có độ thanh khoản tương đối là 62%/năm trong năm 2006. Nói một cách khác, mức độ thanh khoản của thị trường Hongkong chỉ bằng 1/2 so với các thị trường Châu Âu, Mỹ và Nhật, chỉ bằng 1/4 so với thị trường NASDAQ.

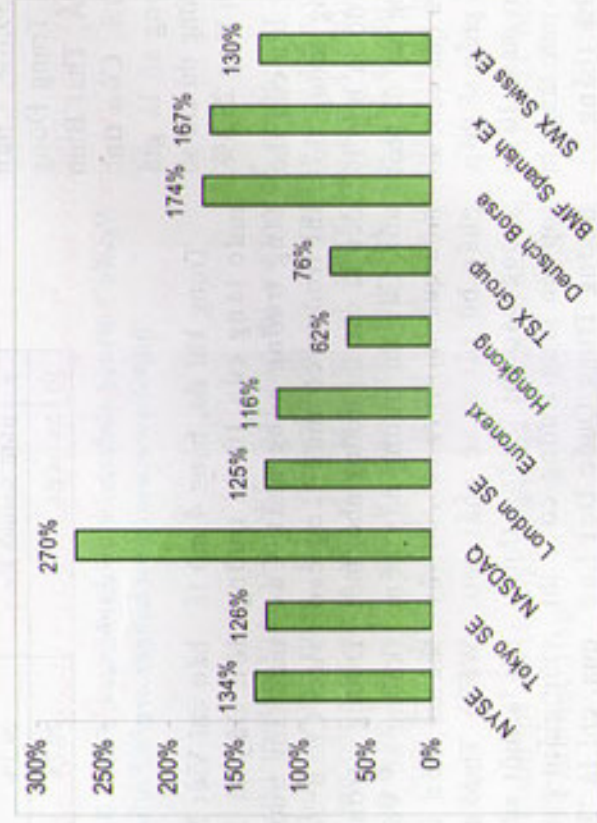
Đồ thị 3 xem xét quy mô 24% giá trị thị trường nhưng đáng kể so với khu vực khác giao dịch theo khu vực qua thị trường các nước Châu Á – trên thế giới. Tính chung cho các năm. Thị trường Bắc Mỹ Thái Bình Dương chỉ chiếm cả thế giới thì độ thanh khoản nối riêng và Châu Mỹ nói 17% giá trị giao dịch. Nói tương đối là 139%, nghĩa là chung chiếm trên 1/2 giá trị khác đi, độ thanh khoản tương trung bình cứ 258 ngày (chưa giao dịch toàn cầu, những đối của các nước trong khu đến 9 tháng) tất cả cổ phiếu năm cuối thế kỷ 20 cũng như vực Châu Á – Thái Bình trên thế giới đối chủ sở hữu hiện nay. Mặc dù chiếm gần Dương thấp hơn một cách 1 lần.

**Bảng 2 : Giá trị giao dịch của 10 thị trường cổ phiếu hàng đầu thế giới năm 2006**  
(Đơn vị tính : tỷ USD)

Exchange	USD bn		% Change
	2006	2005	
1 NYSE	21,789	14,125	54.3%
2 Nasdaq Stock Market	11,807	10,087	17.1%
3 London Stock Exchange	7,583	5,674	33.7%
4 Tokyo Stock Exchange	5,825	4,427	31.6%
5 Euronext	3,805	2,901	31.2%
6 Deutsche Börse	2,742	1,912	43.4%
7 BME Spanish Exchanges	1,941	1,568	23.8%
8 Borsa Italiana	1,596	1,300	22.7%
9 SWX Swiss Exchange	1,396	975	43.0%
10 Korea Exchange	1,340	1,204	11.2%

Nguồn : World Federation of Exchanges, Focus 01/2007 – No. 167,  
<http://www.world-exchanges.org/WFE/home.Asp>

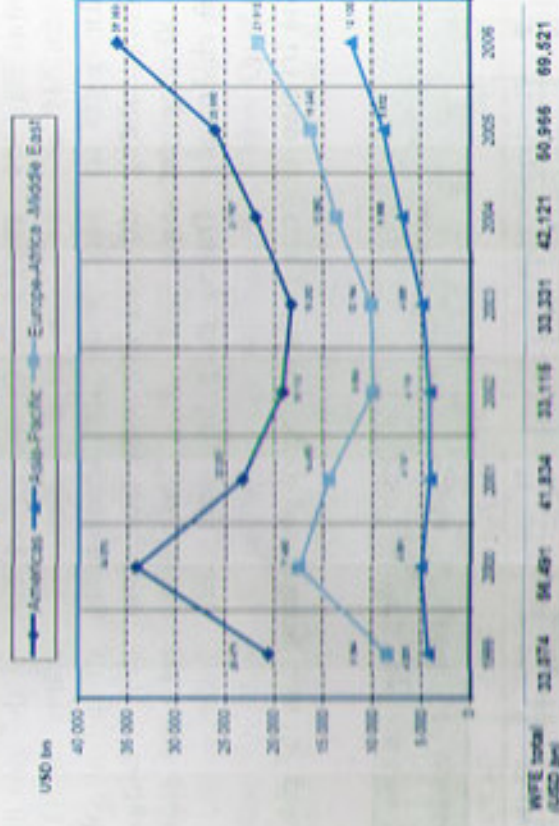
**Đồ thị 2 : Độ thanh khoản tương đối (velocity) của 10 thị trường lớn nhất (%)**



Nguồn : World Federation of Exchanges, Focus 01/2007 – No. 167,  
<http://www.world-exchanges.org/WFE/home.Asp>

Đồ thị 3 : Thị phần thị trường giao dịch cổ phiếu thế giới qua các năm 1999-2006

(Đơn vị tính : tỷ USD)



### 3. Mức tăng chỉ số thị trường

Năm 2006 là một năm tương đối lạc quan trên thị trường cổ phiếu. Trong số 59 thị trường thành viên của WFE chỉ có 3 thị trường khá nhỏ Thailand, Malta và Tehran là giảm nhẹ ở mức dưới 5%. Tính trung bình không kể trọng số quy mô thị trường thì khu vực Châu Mỹ tăng trung bình 39,6%, Châu Âu, Châu Phi và Trung Đông 27,5% và Châu Á, Thái Bình Dương tăng 36,0%. Còn tính trung bình có trọng số là giá trị vốn hóa thị trường thì chỉ số thị trường thế giới tăng 23,8%.

Các thị trường lớn của thế giới có mức tăng tương đối khiêm tốn. Điều đó là hợp lý bởi lẽ các thị trường này đã phát triển đến mức hiệu quả cao, do vậy chi phí vốn cổ phần sẽ thấp, không thể tăng cao được. 10 thị trường lớn nhất có mức tăng chỉ số trung bình 19% (bảng 3). Thậm chí NASDAQ và Tokyo còn tăng dưới 10% (lần lượt là 9,5% và 1,9%).

TT	Thị trường	Tăng chỉ số
1	NYSE	17,9%
2	Tokyo SE	1,9%
3	Nasdaq	9,5%
4	London SE	13,2%
5	Euronext Paris	19,4%
6	Hong Kong Ex.	43,2%
7	TSX Group	14,5%
8	Deutsche Börse	21,3%
9	BME Spanish Ex.	29,3%
10	Swiss Ex.	20,7%

Nguồn : World Federation of Exchanges, Focus 01/2007 - No. 167, <http://www.world-exchanges.org/WFE/home.Asp>

Trong khi đó, bảng 4 mô tả báo chí Việt Nam ca ngợi hết mức tăng của 10 thị trường. Các mức tăng tương cao nhất khu vực tăng trưởng nóng nhất. Các thị trường có mức tăng cao vừa là các thị trường nhỏ, mới nổi. Các thị trường này kém hiệu quả và rủi ro cao, do vậy phần bù rủi ro sẽ phải cao. Trong các thị trường thuộc top ten tăng trưởng có 2 thị trường Trung Quốc Đại Lục là Thượng Hải và Thâm Quyển có mức tăng lần lượt là 130,4% và 97,5%, được không có số liệu của những

năm trước đó), chỉ số thị này là 2675,47 và 550,59. trường chứng khoán. Đó có trường Thượng Hải (SSE Như vậy, tính trung bình 5 thể cũng là viễn cảnh tăng Composite Index) và chỉ số năm thị trường Thượng Hải trường của thị trường cổ thị trường Thâm Quyển tăng 10,2%/năm còn thị phiếu Việt Nam, nếu thị (SZSE Composite Index) lần trường Thâm Quyển tăng trường chứng khoán Việt lượt là 1645,97 và 475,94. 2,96%. Đó là mức tăng rất Nam thực sự là một thị Sau 4 năm liền giảm giá và bình thường, nếu không nói trường duy lý, tức là mức đứng giá, hai chỉ số chỉ bất là thấp. Nó cho thấy về dài tăng chỉ số phản ánh khá đầu tăng lại vào năm 2006 và hạn, tiền không thể kiểm năng sinh lợi của các công đến cuối năm 2006, hai chỉ số một cách dễ dàng trên thị ty niêm yết.

**Bảng 4 : 10 thị trường có mức tăng trưởng cao nhất năm 2006 (%)**

	Exchange	% Change 2006 / 2005
1.	Lima Stock Exchange	168.3%
2.	Shanghai Stock Exchange	130.4%
3.	Cyprus Stock Exchange	128.8%
4.	Shenzhen Stock Exchange	97.5%
5.	Jakarta Stock Exchange	55.3%
6.	Buenos Aires Stock Exchange	49.9%
7.	Mauritius Stock Exchange	49.8%
8.	Mexican Exchange	48.6%
9.	Bombay Stock Exchange	46.7%
10.	Luxembourg Stock Exchange	45.0%

*Nguồn : World Federation of Exchanges, Focus 01/2007 – No. 167, <http://www.world-exchanges.org/WFE/home.Asp>*

**Kết luận**

Không chỉ tại thị trường Việt Nam, hầu hết các thị trường cổ phiếu trên thế giới trải qua một năm 2006 thực sự lạc quan. Hầu hết các chỉ số thị trường đều tiến triển theo hướng thuận lợi : số lượng công ty niêm yết tăng lên 1% (từ 40500 lên hơn 41000), giá trị vốn hoá của các thị trường tăng hơn 22%, giá trị giao dịch tăng 36%, các chỉ số thị trường đều tăng trung bình 23,8% (tính trên đồng USD, với trọng số là giá trị vốn hóa thị trường).

**Tài liệu tham khảo chính**

World Federation of Exchanges, Focus 01/2007 – No. 167, tại <http://www.world-exchanges.org/WFE/home.Asp>  
 World Federation of Exchanges, số liệu thống kê qua các năm 1990-2005 tại <http://www.world-exchanges.org/statistics>

*Ghi chú : Trở bảng 3, các bảng và đồ thị viết số theo kiểu Anh-Mỹ.*